

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị K Cúc
2. Ông Dương Minh Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2023/TLST-DS ngày 25/12/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-DS ngày 25/6/2024, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1984, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Q. Bà Th có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn Ch, sinh năm: 1982 và bà Trần Thị K, sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q. Ông Ch, bà K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Ngày 16/02/2021 âm lịch, bà Th có cho vợ chồng ông Ch và bà K vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, không có thoả thuận lãi. Thời hạn vay khi nào cần trả lại trong vòng hai ngày. Tuy nhiên, bà Th nhiều lần yêu cầu mà bà K, ông Ch vẫn không trả cho bà số tiền trên. Do vậy, bà Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K, ông Ch phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra bà Th không yêu cầu gì khác.

Bà K, ông Ch không có mặt tại phiên hoà giải, không có ý kiến tại hồ sơ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T, buộc ông Ch, bà K phải trả cho bà Th số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc. Ông Ch, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn đã nộp đơn và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị K, cùng trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q yêu cầu trả tiền vay và lãi vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Ch và bà K, tuy nhiên ông Ch, bà K vắng mặt lần hai không có lý do Ch đáng mặc dù Toà án đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ch, bà K, do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 16/02/2021 âm lịch (tức 28/3/2021 DL), ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị K có viết giấy mượn của bà Võ Thị T số tiền 100.000.000 đồng. Giấy mượn tiền không có thoả thuận về lãi và thời hạn trả nợ nhưng có thoả thuận nội dung “*khi nào cần ... gửi lại trong vòng hai ngày*”. Do ông Ch, bà K không trả nợ khi bà Th đòi nên bà Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Ch và bà K phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, ngoài ra bà Th không có yêu cầu gì khác.

[3.2] Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Ch bà K trong thời hạn luật định. Tuy nhiên ông Ch, bà K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Th gửi cho Toà án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, việc ông Ch, bà K có mượn tiền bà Th với số tiền 100.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền ngày 16/02/2021 âm lịch là sự thật không cần phải chứng minh.

[3.3] Quan hệ vay tiền giữa các đương sự là có thật, có lập thành văn bản. Hai bên không có thoả thuận thời hạn trả nợ nên theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự, bà Th có quyền đòi ông Ch, bà K trả lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau trước một khoảng thời gian hợp lý. Tại thời điểm làm đơn khởi kiện ngày 02/11/2023, bà Th cho rằng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà K, ông Ch không trả lại nợ cho bà Th. Đến ngày 25/12/2023 vụ án được thụ lý, ông Ch, bà K cũng đủ thời gian hợp lý để thu xếp trả nợ nhưng không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc buộc ông Ch, bà K trả số nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Bà Th không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ch, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K.

Buộc ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải trả cho bà Võ Thị T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải chịu 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*); Hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu 0006364 ngày 25/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THA huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ